

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH LÂM ĐỒNG
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH TRƯỜNG THPT HOÀNG HOA THÁM - ĐỨC TRỌNG

DANH SÁCH HỌC SINH TRÚNG TUYỂN VÀO LỚP 10
Nam học: 2025 - 2026

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh (tên tỉnh)*	Giới tính	Dân tộc	Điểm UT	Điểm KK	Điểm rèn luyện, học tập				Tổng điểm	ĐTB	Toán + văn	Tên trường lớp 9	Tuyển thắng	Ghi chú
								Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9						
1	K' MỸ PHƯƠNG	01/01/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kơ ho	1.0	0.5	10	10	10	10	41.5	8.9	17.6	Trường THCS N'Thol Hạ		NV1
2	K' THIÊN NGÂN	27/11/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kơ Ho	1.0		10	10	10	10	41.0	9.3	18.5	Trường THCS N'Thol Hạ		NV1
3	KHÚC THỊ PHƯƠNG NHI	04/01/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	1.0		10	10	10	10	41.0	9.2	18.7	Trường THCS N'Thol Hạ		NV1
4	LÂU SINH KIỀU BỘI	03/08/2010	Lâm Đồng	Nữ	Tày	1.0		10	10	10	10	41.0	9.2	18.1	Trường THCS An Hiệp		NV1
5	TRẦN GIA HIẾU	17/03/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	1.0		10	10	10	10	41.0	8.9	17.8	Trường THCS Bình Thạnh		NV1
6	CIL MÚP MY ZƠ	12/08/2010	Lâm Đồng	Nữ	Cil	1.0		10	10	10	10	41.0	8.8	17.1	Trường THCS N'Thol Hạ		NV1
7	K' LUÂN	19/02/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kơ ho	1.0		10	10	10	10	41.0	8.7	17.4	Trường THCS N'Thol Hạ		NV1
8	LƠ MU GIA HÂN	22/03/2010	Lâm Đồng	Nữ	Cil	1.0		10	10	10	10	41.0	8.6	17.1	Trường THCS N'Thol Hạ		NV1
9	HUỶNH THU THẢO	24/08/2010	Lâm Đồng	Nữ	Hoa	1.0		10	10	10	10	41.0	8.6	15.6	Trường THCS Bình Thạnh		NV1
10	K' NHẬT MINH	03/11/2010	Lâm Đồng	Nam	Kơ ho	1.0		10	10	10	10	41.0	8.3	14.7	Trường THCS N'Thol Hạ		NV1
11	PHẠM NGỌC NHƯ QUỲNH	16/03/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		0.5	10	10	10	10	40.5	9.7	19.4	Trường THCS Bình Thạnh		NV1
12	ĐOÀN HỮU ĐẠT	12/02/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			10	10	10	10	40.0	9.9	19.4	Trường THCS An Hiệp		NV1
13	NGUYỄN MẠNH VĨ	14/06/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			10	10	10	10	40.0	9.5	19.3	Trường THCS Bình Thạnh		NV1
14	TRỊNH LÊ GIA BẢO	26/07/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			10	10	10	10	40.0	9.4	19.3	Trường THCS An Hiệp		NV1
15	VÔ NGỌC HẰNG	04/04/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			10	10	10	10	40.0	9.4	18.8	Trường THCS An Hiệp		NV1
16	NGUYỄN HOÀNG HIỆP	05/04/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			10	10	10	10	40.0	9.4	18.5	Trường THCS N'Thol Hạ		NV1
17	VÔ NGUYỄN KHÁNH LINH	23/11/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			10	10	10	10	40.0	9.4	18.5	Trường THCS An Hiệp		NV1
18	NGUYỄN THỊ HỒNG NGỌC	05/01/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			10	10	10	10	40.0	9.3	19.0	Trường THCS N'Thol Hạ		NV1
19	TRẦN NGỌC KHÁNH MY	09/08/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			10	10	10	10	40.0	9.3	18.9	Trường THCS Bình Thạnh		NV1
20	HUỶNH GIA KHÁNH	16/04/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			10	10	10	10	40.0	9.3	18.9	Trường THCS An Hiệp		NV1
21	ĐẶNG NGỌC THIÊN NGÂN	29/03/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			10	10	10	10	40.0	9.3	18.7	Trường THCS An Hiệp		NV1
22	TRẦN BẢO TRÂM	01/07/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			10	10	10	10	40.0	9.3	18.4	Trường THCS Bình Thạnh		NV1
23	ĐINH HOÀI TRINH	22/09/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			10	10	10	10	40.0	9.2	18.9	Trường THCS Bình Thạnh		NV1
24	TRẦN NHẬT LINH	27/10/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			10	10	10	10	40.0	9.2	18.4	Trường THCS An Hiệp		NV1
25	LƯƠNG HOÀNG THIÊN BẢO	11/09/2010	Lâm Đồng	Nam	Thái	1.0		9	10	10	10	40.0	9.2	18.2	Trường THCS An Hiệp		NV1
26	TRẦN KHÁNH LINH ĐAN	30/09/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			10	10	10	10	40.0	9.2	17.7	Trường THCS Bình Thạnh		NV1
27	NGUYỄN HOÀNG THẢO MY	01/01/2010	Đồng Nai	Nữ	Kinh			10	10	10	10	40.0	9.1	18.0	Trường THCS Bình Thạnh		NV1

28	TRƯƠNG GIA HUYỀN	23/09/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			10	10	10	10	40.0	9.1	17.9	Trường THCS An Hiệp		NV1
29	ĐINH THÁI HÀO	21/07/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			10	10	10	10	40.0	9.1	17.4	Trường THCS An Hiệp		NV1
30	TRẦN NHẬT HUY	28/01/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			10	10	10	10	40.0	9.0	18.2	Trường THCS An Hiệp		NV1
31	NGUYỄN HỒ BẢO NGỌC	09/01/2010	Khánh Hòa	Nữ	Kinh			10	10	10	10	40.0	8.9	18.5	Trường THCS An Hiệp		NV1
32	ĐINH BẢO Y ĐÌNH	31/10/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			10	10	10	10	40.0	8.9	18.0	Trường THCS An Hiệp		NV1
33	NGUYỄN TRUNG NAM THÀNH	23/09/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			10	10	10	10	40.0	8.9	16.8	Trường THCS An Hiệp		NV1
34	NGUYỄN NGỌC BẢO TRẦN	13/07/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			10	10	10	10	40.0	8.8	17.3	Trường THCS An Hiệp		NV1
35	NGUYỄN HUỲNH THIÊN BẢO	19/05/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			10	10	10	10	40.0	8.8	16.8	Trường THCS An Hiệp		NV1
36	NGUYỄN THANH NGỌC	09/02/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			10	10	10	10	40.0	8.7	17.0	Trường THCS Bình Thạnh		NV1
37	VY THỊ THU PHƯỢNG	27/01/2010	Lâm Đồng	Nữ	Nùng	1.0		10	9	10	10	40.0	8.7	16.9	Trường THCS An Hiệp		NV1
38	LOAN HẢI YẾN	21/01/2010	Lâm Đồng	Nữ	Hoa	1.0		10	9	10	10	40.0	8.7	16.3	Trường THCS Lê Hồng Phong		NV1
39	VÕ TUẤN KIẾT	27/12/2010	Nghệ An	Nam	Kinh			10	10	10	10	40.0	8.6	17.1	Trường THCS Bình Thạnh		NV1
40	NGUYỄN MỘNG KHÁ ÁI	07/01/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			10	10	10	10	40.0	8.6	17.0	Trường THCS Bình Thạnh		NV1
41	LỖ MU THIÊN ÂN	05/02/2010	Lâm Đồng	Nữ	Cil	1.0		10	10	9	10	40.0	8.6	16.8	Trường THCS N'Thol Hạ		NV1
42	VŨ TÂN PHONG	31/10/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			10	10	10	10	40.0	8.6	16.8	Trường THCS Bình Thạnh		NV1
43	NGUYỄN NGỌC KIM DUNG	02/03/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			10	10	10	10	40.0	8.6	16.7	Trường THCS Bình Thạnh		NV1
44	ĐOÃN THỰC NGHI	01/11/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			10	10	10	10	40.0	8.6	16.6	Trường THCS Bình Thạnh		NV1
45	ĐOÀN HẢI VƯƠNG ĐẠO	03/01/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			10	10	10	10	40.0	8.4	16.3	Trường THCS An Hiệp	Đạt giải cấp quốc gia và quốc tế về VH, VN, TDTT	TT
46	NGUYỄN HOÀNG BẢO HÂN	14/08/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			10	10	10	10	40.0	8.4	16.3	Trường THCS Bình Thạnh		NV1
47	K' LINH TIÊN	17/11/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kơ Ho	1.0		10	9	10	10	40.0	8.4	15.6	Trường THCS N'Thol Hạ		NV1
48	VÕ NGỌC TIÊN	06/01/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			10	10	10	10	40.0	8.0	16.9	Trường THCS N'Thol Hạ		NV1
49	HUỲNH THỊ KHÁNH QUỲNH	25/11/2010	Thừa Thiên Huế	Nữ	Kinh			10	9	10	10	39.0	9.2	18.7	Trường THCS An Hiệp		NV1
50	NGUYỄN NGỌC ÁNH THU	08/07/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	10	10	10	39.0	9.2	18.5	Trường THCS An Hiệp		NV1
51	ĐẶNG PHƯƠNG BẢO THY	05/03/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	10	10	10	39.0	9.1	18.4	Trường THCS An Hiệp		NV1
52	TRẦN NGUYỄN THẢO VY	31/08/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			10	9	10	10	39.0	9.1	17.4	Trường THCS An Hiệp		NV1
53	NGUYỄN MỸ LINH	06/05/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	10	10	10	39.0	9.0	18.6	Trường THCS An Hiệp		NV1
54	THÁI SỸ ĐỨC PHÚC	27/07/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			10	9	10	10	39.0	9.0	17.8	Trường THCS An Hiệp		NV1
55	PHẠM NGỌC BẢO HÂN	26/05/2010	Đồng Nai	Nữ	Kinh			9	10	10	10	39.0	9.0	17.5	Trường THCS An Hiệp		NV1
56	LÊ HỒNG NGỌC	03/01/2010	Lâm Đồng	Nữ	Thái	1.0		9	9	10	10	39.0	9.0	17.4	Trường THCS An Hiệp		NV1

57	LÊ NGUYỄN ANH	THƯ	19/08/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			10	9	10	10	39.0	8.9	18.1	Trường THCS An Hiệp		NV1
58	ĐỖ SONG HOÀNG	NGÂN	24/07/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	10	10	10	39.0	8.9	17.3	Trường THCS An Hiệp		NV1
59	ĐOÀN BẢO	KHANG	14/07/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			9	10	10	10	39.0	8.9	16.7	Trường THCS An Hiệp		NV1
60	NGUYỄN ÁNH	HỒNG	12/08/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			10	9	10	10	39.0	8.8	18.2	Trường THCS Bình Thạnh		NV1
61	LÊ ĐOÀN PHI	YÊN	12/05/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			10	10	9	10	39.0	8.8	16.6	Trường THCS An Hiệp		NV1
62	TRẦN THANH	HUYỀN	30/08/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	10	10	10	39.0	8.7	17.6	Trường THCS Bình Thạnh		NV1
63	LỖ MU QUỲNH	NHƯ	25/11/2010	Lâm Đồng	Nữ	cil	1.0		9	10	9	10	39.0	8.5	17.2	Trường THCS N'Thol Hạ		NV1
64	KLONG HỒNG	HẠNH	09/09/2010	Lâm Đồng	Nữ	cil	1.0		10	9	9	10	39.0	8.4	16.4	Trường THCS N'Thol Hạ		NV1
65	TRẦN THỊ TÂM	ĐOAN	11/01/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			10	10	10	9	39.0	8.3	16.8	Trường THCS Bình Thạnh		NV1
66	LÒ TIẾN	ĐẠT	19/08/2010	Lâm Đồng	Nam	Thái	1.0		10	9	9	10	39.0	8.3	15.4	Trường THCS N'Thol Hạ		NV1
67	NGUYỄN LÊ KHÁNH	NGỌC	05/02/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			10	9	10	10	39.0	8.2	16.4	Trường THCS Bình Thạnh		NV1
68	VŨ HOÀNG ANH	THƯ	21/08/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			10	10	10	9	39.0	8.1	15.9	Trường THCS Bình Thạnh		NV1
69	TRẦN GIA	HÂN	06/01/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			10	10	10	9	39.0	7.9	16.3	Trường THCS Bình Thạnh		NV1
70	VŨ NGỌC	KHIÊM	04/01/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			10	10	10	9	39.0	7.8	15.9	Trường THCS Bình Thạnh		NV1
71	TRẦN THẢO	NGUYỄN	19/02/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	9	10	10	38.0	8.9	18.0	Trường THCS An Hiệp		NV1
72	LÊ THỊ NGỌC	MAI	21/04/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	9	10	10	38.0	8.8	17.1	Trường THCS An Hiệp		NV1
73	NGUYỄN NGỌC KIM	NGUYỄN	01/05/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			10	9	9	10	38.0	8.7	18.2	Trường THCS An Hiệp		NV1
74	TRẦN MINH	NHẬT	29/08/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			9	9	10	10	38.0	8.7	16.7	Trường THCS Bình Thạnh		NV1
75	PHẠM TRUNG	NGHĨA	07/10/2009	Bình Định	Nam	Kinh			9	9	10	10	38.0	8.7	16.5	Trường THCS An Hiệp		NV1
76	GIP DU BẢO	THẮNG	11/03/2010	Lâm Đồng	Nam	Tây	1.0		10	8	9	10	38.0	8.6	16.4	Trường THCS An Hiệp		NV1
77	LÊ THỊ ÁNH	NGUYỆT	06/01/2010	Lâm Đồng	Nữ	Tây	1.0		9	9	9	10	38.0	8.5	17.1	Trường THCS An Hiệp		NV1
78	VÒNG VĨNH	PHƯƠNG	11/08/2010	Lâm Đồng	Nữ	Hoa	1.0		9	9	9	10	38.0	8.4	17.8	Trường THCS An Hiệp		NV1
79	NGUYỄN VIỆT MINH	ĐỨC	03/04/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			10	10	9	9	38.0	8.4	16.9	Trường THCS An Hiệp		NV1
80	HUỶNH THỊ TUYẾT	NHƯ	27/09/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	9	10	10	38.0	8.4	16.5	Trường THCS An Hiệp		NV1
81	LUÂN THỊ HIỀN	TRANG	02/08/2010	Lâm Đồng	Nữ	Nùng	1.0		9	9	9	10	38.0	8.4	16.1	Trường THCS N'Thol Hạ		NV1
82	TRẦN ANH	HÀO	18/04/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			9	9	10	10	38.0	8.3	16.5	Trường THCS Bình Thạnh		NV1
83	A DẮT K'	THÁU	27/10/2010	Lâm Đồng	Nữ	cil	1.0		9	9	9	10	38.0	8.3	16.1	Trường THCS N'Thol Hạ		NV1
84	NÔNG LÂM BẢO	NGỌC	09/03/2010	Lâm Đồng	Nữ	Hoa	1.0		9	9	9	10	38.0	8.3	16.0	Trường THCS An Hiệp		NV1

85	K' HIỀN	MY	25/12/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kơ Ho	1.0		9	9	9	10	38.0	8.3	15.9	Trường THCS N'Thol Hạ		NV1
86	NGUYỄN HOÀI NAM	PHƯƠNG	02/05/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	9	10	10	38.0	8.2	16.1	Trường THCS Phú Hội		NV1
87	NGUYỄN MẠNH	HIẾU	22/01/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			9	10	10	9	38.0	8.2	16.0	Trường THCS Lê Hồng Phong		NV1
88	K'	NHIÊN	28/06/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kơ Ho	1.0		10	9	9	9	38.0	8.2	15.8	Trường THCS N'Thol Hạ		NV1
89	PANG KAO HA	HẢI	18/11/2010	Lâm Đồng	Nam	Cil	1.0		9	9	10	9	38.0	8.2	15.2	Trường THCS N'Thol Hạ		NV1
90	K'	LINH	16/02/2010	Lâm Đồng	Nữ	K'ho	1.0		9	9	9	10	38.0	8.1	16.4	Trường PTDTNT THCS huyện Đức Trọng	TN THCS trường PT DTNT	TT
91	TRẦN	TY	07/08/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			10	9	10	9	38.0	8.0	15.2	Trường THCS Bình Thạnh		NV1
92	LỖ MU JU	THẢO	09/11/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kơ Ho	1.0		9	9	9	10	38.0	8.0	15.0	Trường THCS N'Thol Hạ		NV1
93	K'	NHÃ	16/02/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kơ ho	1.0		9	10	9	9	38.0	8.0	14.6	Trường THCS N'Thol Hạ		NV1
94	KA SẢ EN	VIS	06/02/2010	Lâm Đồng	Nam	Cil	1.0		10	9	9	9	38.0	7.8	13.8	Trường THCS N'Thol Hạ		NV1
95	NGUYỄN NHO	VINH	15/07/2010	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh			10	10	10	8	38.0	7.7	15.4	Trường THCS Bình Thạnh		NV1
96	PHÙNG QUANG	KHÁNH	02/12/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			9	10	10	9	38.0	7.7	14.6	Trường THCS Bình Thạnh		NV1
97	VŨ CÁT GIA	AN	03/08/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			10	10	9	9	38.0	7.5	15.4	Trường THCS Bình Thạnh		NV1
98	NGUYỄN MỘNG	ĐÀO	14/05/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	10	10	9	38.0	7.4	13.5	Trường THCS Bình Thạnh		NV1
99	K'	LUYS	18/09/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kơ Ho	1.0	0.5	9	9	9	9	37.5	7.0	13.4	Trường THCS N'Thol Hạ		NV1
100	HỒ LÊ BẢO	NHI	10/10/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	9	9	10	37.0	8.9	18.0	Trường THCS An Hiệp		NV1
101	LÊ THỊ HOÀI	THƯƠNG	23/04/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	9	9	10	37.0	8.9	17.0	Trường THCS An Hiệp		NV1
102	PHẠM NGỌC LINH	CHI	07/06/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	9	9	10	37.0	8.8	17.5	Trường THCS An Hiệp		NV1
103	NGUYỄN THỊ HUYỀN	TRANG	23/07/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			8	9	10	10	37.0	8.7	16.8	Trường THCS An Hiệp		NV1
104	NGUYỄN NHƯ NGỌC	THẢO	27/03/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	9	9	10	37.0	8.7	16.5	Trường THCS An Hiệp		NV1
105	VÕ QUANG	MINH	13/11/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			9	9	9	10	37.0	8.6	17.2	Trường THCS An Hiệp		NV1
106	NGUYỄN ĐẶNG NGỌC	DUYÊN	13/01/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	9	9	10	37.0	8.6	16.6	Trường THCS An Hiệp		NV1
107	VI BẢO	YÊN	02/08/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	9	9	10	37.0	8.5	16.3	Trường THCS An Hiệp		NV1
108	LÊ TRÚC	THƠ	03/11/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	9	9	10	37.0	8.5	16.1	Trường THCS An Hiệp		NV1
109	NGUYỄN THỦY BẢO	TRÂM	11/05/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	1.0		9	9	9	9	37.0	8.4	17.4	Trường THCS An Hiệp		NV1
110	HOÀNG MINH	KHÁNH	12/09/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			9	9	9	10	37.0	8.4	17.1	Trường THCS An Hiệp		NV1
111	PHẠM THỊ THANH	TRÚC	03/06/2010	Thanh Hóa	Nữ	Kinh			9	9	10	9	37.0	8.4	16.3	Trường THCS An Hiệp		NV1
112	TRẦN BẢO	NGUYỄN	10/09/2010	Hung Yên	Nam	Kinh			9	9	9	10	37.0	8.4	15.5	Trường THCS An Hiệp		NV1

113	CIL PAM NGỌC	HÀ	15/01/2010	Lâm Đồng	Nữ	Cil	1.0		8	10	9	9	37.0	8.2	15.8	Trường THCS N'Thol Hạ		NV1
114	NGUYỄN PHẠM PHƯƠNG	MINH	21/08/2010	Thái Bình	Nữ	Kinh			9	9	10	9	37.0	8.1	15.5	Trường THCS Bình Thạnh		NV1
115	CIL YŨ LU	SA	27/11/2010	Lâm Đồng	Nữ	Cil	1.0		9	9	9	9	37.0	8.1	15.2	Trường THCS N'Thol Hạ		NV1
116	TRẦN HOÀI ANH	THƯ	05/07/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			10	9	9	9	37.0	8.1	14.6	Trường THCS Bình Thạnh		NV1
117	NGUYỄN HOÀNG SƠN	LÂM	30/09/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			9	9	10	9	37.0	8.0	16.1	Trường THCS Bình Thạnh		NV1
118	TRINH DIỆU	ANH	25/02/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	1.0		9	9	9	9	37.0	8.0	14.2	Trường THCS An Hiệp		NV1
119	KLONG THRYN	LY	11/02/2010	Lâm Đồng	Nữ	cil	1.0		9	9	9	9	37.0	7.9	15.5	Trường THCS N'Thol Hạ		NV1
120	MBON NGỌC	THU	12/11/2010	Lâm Đồng	Nữ	Cil	1.0		9	9	9	9	37.0	7.9	15.0	Trường THCS N'Thol Hạ		NV1
121	K'	MÂY	01/07/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kơ Ho	1.0		9	9	9	9	37.0	7.8	14.3	Trường THCS N'Thol Hạ		NV1
122	A DẮT SƠ	CHIN	26/02/2010	Lâm Đồng	Nữ	Cil	1.0		9	9	9	9	37.0	7.8	14.3	Trường THCS N'Thol Hạ		NV1
123	K'	BÔNG	05/12/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kơ Ho	1.0		9	9	9	9	37.0	7.8	14.0	Trường THCS N'Thol Hạ		NV1
124	TRẦN TÂM	NHI	20/12/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	9	10	9	37.0	7.7	13.8	Trường THCS Bình Thạnh		NV1
125	BẠC CẨM THIÊN	VĂN	04/11/2010	Lâm Đồng	Nam	Thái	1.0		9	9	9	9	37.0	7.6	14.6	Trường THCS N'Thol Hạ		NV1
126	A DẮT JUS	SIN	27/11/2010	Lâm Đồng	Nữ	Cil	1.0		9	9	9	9	37.0	7.6	14.6	Trường THCS N'Thol Hạ		NV1
127	CIL PAM HA	KHANG	04/12/2010	Lâm Đồng	Nam	cil	1.0		9	9	9	9	37.0	7.6	14.4	Trường THCS N'Thol Hạ		NV1
128	K'	PHI	04/01/2010	Lâm Đồng	Nữ	K' Ho	1.0		9	9	9	9	37.0	7.6	14.2	Trường THCS An Hiệp		NV1
129	KRĂ JĂN SU	SAN	02/02/2010	Lâm Đồng	Nữ	cil	1.0		9	9	9	9	37.0	7.6	13.9	Trường THCS N'Thol Hạ		NV1
130	ĐÀM K' XUÂN	DU	13/01/2010	Lâm Đồng	Nam	Tày	1.0		9	9	9	9	37.0	7.5	14.2	Trường THCS N'Thol Hạ		NV1
131	HỒ LÊ	HUY	02/01/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			9	9	10	9	37.0	7.4	15.5	Trường THCS An Hiệp		NV1
132	VŨ TRẦN VIỆT	VINH	19/09/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			10	9	10	8	37.0	7.4	14.3	Trường THCS Bình Thạnh		NV1
133	KON SA K'	HOA	04/06/2010	Lâm Đồng	Nữ	Cil	1.0		9	9	9	9	37.0	7.3	13.5	Trường THCS N'Thol Hạ		NV1
134	KA SẢ VY	THỔS	28/11/2010	Lâm Đồng	Nữ	Cil	1.0		9	9	9	9	37.0	7.2	12.9	Trường THCS N'Thol Hạ		NV1
135	KA SẢ MI	NA	12/10/2010	Lâm Đồng	Nữ	Cil	1.0		9	9	9	9	37.0	7.2	12.5	Trường THCS N'Thol Hạ		NV1
136	LƠ MU K'	THỊNH	16/09/2010	Lâm Đồng	Nữ	Cil	1.0		9	9	9	9	37.0	7.1	14.1	Trường THCS N'Thol Hạ		NV1
137	K'	ĐẶNG	12/06/2010	Lâm Đồng	Nam	Kơ ho	1.0		9	9	9	9	37.0	6.9	11.4	Trường THCS N'Thol Hạ		NV1
138	KON SA LÊ NHẬT	TÚ	04/06/2010	Lâm Đồng	Nam	Cil	1.0		9	7	9	10	36.0	8.5	16.1	Trường THCS N'Thol Hạ		NV1
139	TRẦN THANH DIỆU	HƯƠNG	04/11/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	9	9	9	36.0	8.2	16.7	Trường THCS Bình Thạnh		NV1

140	LÊ MINH	KHÔI	05/03/2010	Lâm Đồng	Nam	Tây	1.0		9	9	8	9	36.0	8.2	15.6	Trường THCS An Hiệp		NV1
141	VŨ HOÀNG ANH	THƯ	18/11/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	9	9	9	36.0	8.2	15.1	Trường THCS Bình Thạnh		NV1
142	HOÀNG MINH	NGỌC	02/11/2010	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh			9	9	9	9	36.0	8.1	16.0	Trường THCS An Hiệp		NV1
143	LƯƠNG GIA	HÙNG	27/07/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			9	9	9	9	36.0	8.0	16.5	Trường THCS Bình Thạnh		NV1
144	LÊ THỊ YẾN	LINH	18/06/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	9	9	9	36.0	8.0	15.3	Trường THCS An Hiệp		NV1
145	NGUYỄN HOÀNG NHƯ	NGỌC	19/10/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	9	9	9	36.0	7.9	14.5	Trường THCS Bình Thạnh		NV1
146	ĐÌNH HOÀNG	THANH	28/04/2010	Ninh Bình	Nam	Kinh			9	9	9	9	36.0	7.8	16.1	Trường THCS Bình Thạnh		NV1
147	LÊ NHẬT	ĐĂNG	13/01/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			9	9	9	9	36.0	7.8	14.8	Trường THCS Bình Thạnh		NV1
148	NGUYỄN THÀNH	LUÂN	18/02/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			9	9	9	9	36.0	7.8	14.5	Trường THCS An Hiệp		NV1
149	VŨ HOÀNG BẢO	HÂN	09/11/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	9	9	9	36.0	7.8	14.4	Trường THCS Bình Thạnh		NV1
150	NGUYỄN LỆ	QUYÊN	31/03/2010	TP. Hà Nội	Nữ	Kinh			9	9	9	9	36.0	7.7	15.2	Trường THCS An Hiệp		NV1
151	CIL MÚP HA TÔ	NY	13/11/2010	Lâm Đồng	Nam	Cil	1.0		9	8	9	9	36.0	7.7	14.9	Trường THCS N'Thol Hạ		NV1
152	HOÀNG	KHANG	10/10/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			9	9	9	9	36.0	7.7	14.6	Trường THCS Bình Thạnh		NV1
153	CIL YŨ SA	LIM	08/08/2010	Lâm Đồng	Nữ	cil	1.0		8	9	9	9	36.0	7.7	14.5	Trường THCS N'Thol Hạ		NV1
154	TRẦN ANH	THƯ	18/05/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	9	10	8	36.0	7.7	14.5	Trường THCS Bình Thạnh		NV1
155	ĐÌNH HOÀI TRÚC	VÂN	20/01/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	9	9	9	36.0	7.7	14.1	Trường THCS Bình Thạnh		NV1
156	NGUYỄN HẢI NHẬT	ANH	15/04/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			9	9	9	9	36.0	7.6	14.4	Trường THCS Bình Thạnh		NV1
157	NGUYỄN NGỌC BẢO	THY	11/02/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	9	9	9	36.0	7.6	14.3	Trường THCS An Hiệp		NV1
158	NGUYỄN MINH	THƯ	24/05/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	9	9	9	36.0	7.6	14.1	Trường THCS Bình Thạnh		NV1
159	NGUYỄN KHÁNH MINH	NHẬT	28/01/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			9	9	9	9	36.0	7.6	14.0	Trường THCS N'Thol Hạ		NV1
160	TRẦN MINH	KHOA	26/01/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			9	9	9	9	36.0	7.5	15.2	Trường THCS Bình Thạnh		NV1
161	ĐÌNH TRỌNG	TÀI	20/04/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			9	9	9	9	36.0	7.5	13.9	Trường THCS An Hiệp		NV1
162	ĐÌNH HOÀNG THANH	TRÚC	01/08/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	9	9	9	36.0	7.4	12.7	Trường THCS Bình Thạnh		NV1
163	PHÚ NGUYỄN MINH	KHUƠNG	20/05/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			9	9	9	9	36.0	7.3	14.8	Trường THCS Bình Thạnh		NV1
164	TRẦN ĐÌNH	KHẢI	25/10/2007	Lâm Đồng	Nam	Kinh			9	9	9	9	36.0	7.3	14.7	Trường THCS Bình Thạnh		NV1
165	PHẠM VŨ	KHẢI	27/12/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			9	9	9	9	36.0	7.3	14.7	Trường THCS Bình Thạnh		NV1
166	TRẦN HIỀN	ĐỨC	16/01/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			9	9	9	9	36.0	7.3	13.6	Trường THCS Bình Thạnh		NV1

167	ĐỖ MINH	HOÀNG	03/06/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			9	9	9	9	36.0	7.2	15.0	Trường THCS Bình Thạnh		NV1
168	A DẮT K'	VIỄN	25/08/2010	Lâm Đồng	Nữ	Cil	1.0		10	9	7	9	36.0	7.2	13.1	Trường THCS N'Thol Hạ		NV1
169	CIL MÚP LY	SIA	02/03/2010	Lâm Đồng	Nữ	Cil	1.0		9	9	8	9	36.0	7.2	12.7	Trường THCS N'Thol Hạ		NV1
170	TRẦN HOÀNG	AN	23/07/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			9	9	9	9	36.0	7.1	13.8	Trường THCS Bình Thạnh		NV1
171	LÊ AN CÁT	TƯỜNG	07/04/2010	Nghệ An	Nữ	Kinh			9	7	9	10	35.0	8.4	15.8	Trường THCS An Hiệp		NV1
172	VÕ NGỌC KHÁNH	HẠ	24/06/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	7	9	10	35.0	8.2	16.6	Trường THCS An Hiệp		NV1
173	LÒ DƯƠNG YẾN	NGỌC	24/07/2010	Lâm Đồng	Nữ	Thái	1.0		7	9	9	9	35.0	8.0	15.8	Trường THCS N'Thol Hạ		NV1
174	NGUYỄN TRUNG	HIẾU	10/06/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			8	9	9	9	35.0	7.9	16.2	Trường THCS N'Thol Hạ		NV1
175	K'	DÂN	29/03/2010	Lâm Đồng	Nữ	K' ho	1.0		7	9	9	9	35.0	7.8	15.4	Trường THCS An Hiệp		NV1
176	KON SA LA	IN	08/08/2010	Lâm Đồng	Nữ	Cil	1.0		8	8	9	9	35.0	7.8	14.7	Trường THCS N'Thol Hạ		NV1
177	ĐẶNG MINH	QUÂN	25/09/2010	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nam	Kinh			8	9	9	9	35.0	7.8	14.5	Trường THCS An Hiệp		NV1
178	K'	HÀNG	14/06/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kơ Ho	1.0		8	9	9	8	35.0	7.7	14.8	Trường PIDTNT THCS huyện Đức Trọng	TN THCS trường PT DTNT	TT
179	TRẦN MINH	NGHĨA	25/11/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			9	9	9	8	35.0	7.6	14.7	Trường THCS An Hiệp		NV1
180	DƯƠNG ĐỨC	HÒA	31/08/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			10	9	8	8	35.0	7.5	15.4	Trường THCS Bình Thạnh		NV1
181	K'	NGHIÊM	15/11/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kơ Ho	1.0		7	9	9	9	35.0	7.5	13.3	Trường THCS N'Thol Hạ		NV1
182	CIL PAM K'	VIS	29/07/2010	Lâm Đồng	Nữ	Cil	1.0		9	9	7	9	35.0	7.4	13.9	Trường THCS N'Thol Hạ		NV1
183	VŨ PHƯƠNG	LINH	23/03/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	9	9	8	35.0	7.4	13.4	Trường THCS Bình Thạnh		NV1
184	ĐỖ NGỌC	MINH	15/10/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			9	9	8	9	35.0	7.3	13.6	Trường THCS Bình Thạnh		NV1
185	K'	CAM	24/10/2010	Lâm Đồng	Nữ	K' ho	1.0		9	7	9	9	35.0	7.3	12.8	Trường THCS An Hiệp		NV1
186	NGUYỄN NGỌC MINH	PHƯƠNG	10/03/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	9	8	9	35.0	7.3	12.7	Trường THCS Bình Thạnh		NV1
187	KA SẮ K'	PHI	09/04/2010	Lâm Đồng	Nữ	Cil	1.0		7	9	9	9	35.0	7.3	12.3	Trường THCS N'Thol Hạ		NV1
188	KA SẮ K' SIN	ĐA	22/06/2010	Lâm Đồng	Nữ	Cil	1.0		9	9	7	9	35.0	7.2	14.6	Trường THCS N'Thol Hạ		NV1
189	KA SẮ K'	BINH	05/09/2010	Lâm Đồng	Nữ	Cil	1.0		9	7	9	9	35.0	7.2	14.6	Trường THCS N'Thol Hạ		NV1
190	K RÃ JẦN DỖ	HIA	28/08/2010	Lâm Đồng	Nữ	Cil	1.0		9	9	7	9	35.0	7.2	13.7	Trường THCS An Hiệp		NV1
191	ĐÀM TẤN	SANG	08/10/2010	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh			9	9	9	8	35.0	7.1	13.5	Trường THCS An Hiệp		NV1
192	NGÔ QUANG	HỢP	04/11/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			9	8	9	9	35.0	7.0	13.3	Trường THCS Bình Thạnh		NV1
193	PHẠM THỊ QUỲNH	NHU'	14/03/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			6	9	9	10	34.0	8.3	16.1	Trường THCS An Hiệp		NV1
194	LÊ VĂN	TIẾN	10/05/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			9	7	9	9	34.0	8.0	15.9	Trường THCS An Hiệp		NV1

195	PHẠM THANH	PHONG	22/01/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	1.0		9	8	8	8	34.0	8.0	15.4	Trường THCS N'Thol Hạ		NV1
196	TRẦN HOÀI PHƯƠNG	ANH	27/08/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			6	9	10	9	34.0	8.0	14.8	Trường THCS N'Thol Hạ		NV1
197	LƯỠNG PHƯƠNG	VY	09/08/2010	Lâm Đồng	Nữ	Hoa	1.0		9	6	9	9	34.0	7.9	14.0	Trường THCS An Hiệp		NV1
198	NGUYỄN MINH	THÀNH	25/03/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			9	9	8	8	34.0	7.5	14.5	Trường THCS An Hiệp		NV1
199	LÊ THỊ THU	HUYỀN	04/12/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	7	9	9	34.0	7.5	14.4	Trường THCS An Hiệp		NV1
200	K' NHẬT	HẠO	18/07/2010	Lâm Đồng	Nam	Kơ Ho	1.0		9	9	6	9	34.0	7.3	14.7	Trường THCS N'Thol Hạ		NV1
201	NGUYỄN QUANG	MINH	04/04/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	1.0		6	9	9	9	34.0	7.3	13.9	Trường THCS An Hiệp		NV1
202	NGUYỄN CAO	TRÍ	04/06/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			7	9	9	9	34.0	7.3	13.5	Trường THCS Bình Thạnh		NV1
203	K'	THẨM	11/11/2010	Lâm Đồng	Nữ	K' ho	1.0		6	9	9	9	34.0	7.2	13.8	Trường THCS An Hiệp		NV1
204	NGUYỄN BẢO	CHÂU	09/03/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	7	9	9	34.0	7.2	13.3	Trường THCS Bình Thạnh		NV1
205	KON SA HA JA	BINH	13/03/2010	Lâm Đồng	Nam	Cil	1.0		9	8	9	7	34.0	7.2	12.0	Trường THCS N'Thol Hạ		NV1
206	NGUYỄN VŨ GIA	HÂN	08/03/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			7	9	9	9	34.0	7.1	13.6	Trường THCS Bình Thạnh		NV1
207	K'	LUY	06/06/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kơ ho	1.0		9	9	6	9	34.0	7.0	13.4	Trường THCS N'Thol Hạ		NV1
208	LƯỠNG THỦY	TIÊN	03/06/2010	Lâm Đồng	Nữ	Thái	1.0		6	9	9	9	34.0	7.0	12.8	Trường THCS Phúc Thọ		NV1
209	NGUYỄN THẢO	MY	02/11/2009	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh			9	9	9	7	34.0	7.0	12.2	Trường THCS Bình Thạnh		NV1
210	NGUYỄN HOÀNG	LỘC	06/04/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			9	8	8	9	34.0	6.9	13.1	Trường THCS Bình Thạnh		NV1
211	DƯƠNG THẾ	VINH	22/11/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			8	8	8	9	33.0	7.9	15.3	Trường THCS An Hiệp		NV1
212	LÊ NGUYỄN KHÁNH	VY	10/08/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	6	9	9	33.0	7.8	14.5	Trường THCS An Hiệp		NV1
213	NGÔ GIA	BẢO	01/01/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			9	7	8	9	33.0	7.8	13.9	Trường THCS Bình Thạnh		NV1
214	K' DUY	HUẤN	28/01/2010	Lâm Đồng	Nam	Kơ Ho	1.0		9	7	7	9	33.0	7.6	14.5	Trường THCS N'Thol Hạ		NV1
215	LIỀNG HÓT K'	THIÊN	13/12/2010	Lâm Đồng	Nữ	Cil	1.0		7	7	9	9	33.0	7.4	14.9	Trường THCS N'Thol Hạ		NV1
216	PANG KAO K'	HƯỚNG	16/09/2010	Lâm Đồng	Nữ	Cil	1.0		9	8	6	9	33.0	7.4	14.3	Trường THCS N'Thol Hạ		NV1
217	ĐOÀN NGỌC MINH	XUÂN	04/03/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			8	8	8	9	33.0	7.3	14.2	Trường THCS Bình Thạnh		NV1
218	KLONG RÔ	THÊ	26/06/2010	Lâm Đồng	Nữ	Cil	1.0		7	9	7	9	33.0	7.0	14.0	Trường THCS N'Thol Hạ		NV1
219	TRẦN BẢO	LONG	04/08/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			9	9	8	7	33.0	6.9	12.4	Trường THCS Bình Thạnh		NV1
220	LIỀNG HÓT NA A	MAN	02/06/2010	Lâm Đồng	Nam	Cil	1.0	0.5	7	6	9	9	32.5	6.9	13.4	Trường THCS N'Thol Hạ		NV1
221	TRẦN ANH	KHÔI	26/06/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			6	8	8	10	32.0	8.3	15.7	Trường THCS An Hiệp		NV1
222	PHÙNG TỎ	UYÊN	01/11/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	7	8	8	32.0	7.5	13.9	Trường THCS Bình Thạnh		NV1

223	BÙI HOÀNG NGỌC	BÍCH	12/05/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			8	8	8	8	32.0	7.5	13.6	Trường THCS An Hiệp		NV1
224	NGUYỄN THANH	TÂM	10/02/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			7	7	9	9	32.0	7.4	13.7	Trường THCS Bình Thạnh		NV1
225	ĐÌNH HÀ HẢI	ANH	17/07/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			8	9	8	7	32.0	7.1	13.1	Trường THCS Bình Thạnh		NV1
226	TRẦN PHƯƠNG	DUNG	31/03/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	7	9	7	32.0	7.1	11.7	Trường THCS Bình Thạnh		NV1
227	TRẦN ĐỨC	THỊNH	20/02/2010	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh			7	7	9	9	32.0	7.0	13.0	Trường THCS Bình Thạnh		NV1
228	NGUYỄN QUỐC	BẢO	11/11/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			9	7	7	9	32.0	7.0	12.1	Trường THCS Bình Thạnh		NV1
229	ĐẶNG NGỌC THANH	TÂM	18/05/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			8	9	8	7	32.0	6.9	14.4	Trường THCS Bình Thạnh		NV1
230	NGUYỄN MINH	TÂM	19/10/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			7	7	9	9	32.0	6.8	12.4	Trường THCS Bình Thạnh		NV1
231	K ' THIÊN	QUÂN	20/05/2010	Lâm Đồng	Nam	Kơ ho	1.0		8	9	7	7	32.0	6.8	11.8	Trường THCS N'Thol Hạ		NV1
232	NGUYỄN VÕ MINH	QUÂN	04/09/2010	Tiền Giang	Nam	Kinh			7	7	9	9	32.0	6.7	13.1	Trường THCS Bình Thạnh		NV1
233	TRƯƠNG THỤY YẾN	NHI	04/08/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	7	9	7	32.0	6.1	10.9	Trường THCS Bình Thạnh		NV1
234	CIL PAM HA THE	MAN	07/02/2010	Lâm Đồng	Nam	Cil	1.0	0.5	9	6	8	7	31.5	6.3	11.9	Trường THCS N'Thol Hạ		NV1
235	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	THẢO	18/03/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			6	7	9	9	31.0	7.5	13.4	Trường THCS An Hiệp		NV1
236	HOÀNG THANH	TÂM	29/10/2010	Lâm Đồng	Nam	Hoa	1.0		9	6	9	6	31.0	7.4	14.0	Trường THCS An Hiệp		NV1
237	KON TÔL K' KIM	PHỤNG	19/03/2010	Lâm Đồng	Nữ	Cil	1.0		7	7	7	9	31.0	7.3	13.4	Trường THCS An Hiệp		NV1
238	K'	KIỀU	14/03/2010	Lâm Đồng	Nữ	K' ho	1.0		7	7	7	9	31.0	7.2	13.1	Trường THCS An Hiệp		NV1
239	KA SẢ LÊ	TIN	27/11/2010	Lâm Đồng	Nam	Cil	1.0		7	7	7	9	31.0	7.0	13.5	Trường THCS N'Thol Hạ		NV1
240	SỖ NHỰC	AN	04/08/2010	Lâm Đồng	Nam	Hoa	1.0		7	7	7	9	31.0	6.9	12.5	Trường THCS An Hiệp		NV1
241	LƠ MU NGUYỆT	ÁNH	17/04/2010	Lâm Đồng	Nữ	Cil	1.0		6	9	8	7	31.0	6.8	11.6	Trường THCS N'Thol Hạ		NV1
242	KA SẢ SI	REN	10/09/2010	Lâm Đồng	Nam	Cil	1.0		6	6	9	9	31.0	6.7	13.0	Trường THCS N'Thol Hạ		NV1
243	KƠ SẢ HOÀNG	MỸ	25/07/2010	Lâm Đồng	Nam	Cil	1.0	1.0	9	5	6	8	30.0	7.6	15.2	Trường PTDTNT THCS huyện Đức Trọng	TN THCS trường PT DTNT	TT
244	K'	LOAN	18/03/2010	Lâm Đồng	Nữ	K' ho	1.0		7	6	7	9	30.0	7.6	13.8	Trường THCS An Hiệp		NV1
245	K' RẢ JẺN K'	NGHIÊM	11/01/2010	Lâm Đồng	Nữ	Cil	1.0		7	7	6	9	30.0	7.5	13.4	Trường THCS An Hiệp		NV1
246	LÂM NGỌC	QUỲNH	11/04/2010	Lâm Đồng	Nữ	Hoa	1.0		7	6	7	9	30.0	7.5	13.1	Trường THCS An Hiệp		NV1
247	NGUYỄN NGỌC	TRINH	17/08/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			6	7	8	9	30.0	7.4	14.7	Trường THCS N'Thol Hạ		NV1
248	VÒNG TUẤN	KIỆT	23/06/2010	Lâm Đồng	Nam	Hoa	1.0		6	6	9	8	30.0	7.4	14.0	Trường THCS An Hiệp		NV1
249	VŨ HOÀNG KHÁNH	ĐĂNG	31/10/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			7	6	8	9	30.0	7.2	14.1	Trường THCS Bình Thạnh		NV1
250	PHẠM XUÂN	SÂM	22/05/2010	Ninh Bình	Nam	Kinh			7	7	7	9	30.0	7.2	12.7	Trường THCS An Hiệp		NV1

251	CIL K'	TRANG	04/10/2010	Lâm Đồng	Nữ	Cil	1.0		7	7	6	9	30.0	7.2	12.4	Trường THCS An Hiệp		NV1
252	PHẠM THANH	PHONG	19/05/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			6	6	9	9	30.0	7.1	15.4	Trường THCS N'Thol Hạ		NV1
253	TRẦN THIÊN	ÂN	20/01/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			7	6	8	9	30.0	7.1	13.7	Trường THCS Bình Thạnh		NV1
254	K'	UYNH	28/12/2010	Lâm Đồng	Nữ	K' ho	1.0		7	6	7	9	30.0	7.1	12.5	Trường THCS An Hiệp		NV1
255	NGUYỄN TIẾN	LỢI	23/10/2010	Nam Định	Nam	Kinh			6	6	9	9	30.0	7.0	13.6	Trường THCS N'Thol Hạ		NV1
256	K' NGUYỆT	ÁNH	30/07/2010	Lâm Đồng	Nữ	K' ho	1.0		6	7	7	9	30.0	7.0	12.7	Trường THCS An Hiệp		NV1
257	NGUYỄN HOÀNG HẢI	ĐĂNG	19/09/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			7	7	9	7	30.0	6.9	12.4	Trường THCS Bình Thạnh		NV1
258	KON SA SU	CHƠN	29/11/2010	Lâm Đồng	Nữ	Cil	1.0		6	7	7	9	30.0	6.8	13.1	Trường THCS N'Thol Hạ		NV1
259	HOÀNG ANH	KIỆT	08/10/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			7	7	9	7	30.0	6.8	12.4	Trường THCS Bình Thạnh		NV1
260	KLONG K'	HIỀN	28/03/2010	Lâm Đồng	Nữ	Cil	1.0		9	6	7	7	30.0	6.7	12.5	Trường THCS N'Thol Hạ		NV1
261	VŨ QUỐC	HUÂN	16/04/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			7	7	9	7	30.0	6.7	12.2	Trường THCS Bình Thạnh		NV1
262	KIỀU CÔNG	NHẬT	03/10/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			7	7	9	7	30.0	6.7	12.0	Trường THCS An Hiệp		NV1
263	ĐÌNH QUANG	MINH	13/11/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			7	7	7	9	30.0	6.7	11.4	Trường THCS Bình Thạnh		NV1
264	LƠ BON ĐÌNH	LẬP	14/08/2010	Lâm Đồng	Nam	Cil	1.0		7	7	8	7	30.0	6.6	12.3	Trường THCS N'Thol Hạ		NV1
265	ĐÌNH ĐOÀN NHẬT	SANG	22/05/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			8	9	6	7	30.0	6.5	12.2	Trường THCS Bình Thạnh		NV1
266	KƠ SẢ PHI	REX	27/02/2010	Lâm Đồng	Nam	Cil	1.0		9	6	7	7	30.0	6.5	11.5	Trường THCS N'Thol Hạ		NV1
267	TRẦN MINH NHẬT	QUANG	23/10/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh			9	9	6	6	30.0	6.3	10.2	Trường THCS Ninh Gia		NV1
268	TRẦN NGỌC	THIỆN	22/02/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			8	6	6	9	29.0	7.3	11.7	Trường THCS Lê Hồng Phong		NV1
269	LÂM VIỆT CHUNG	HIẾU	15/10/2010	Lâm Đồng	Nam	Thái	1.0		6	6	7	9	29.0	7.2	14.8	Trường PTDTNT THCS huyện Đức Trọng	TN THCS trường PT DTNT	TT
270	CIL YŨ K' LAN	ANH	27/12/2010	Lâm Đồng	Nữ	Cil	1.0		6	6	7	9	29.0	7.1	13.7	Trường PTDTNT THCS huyện Đức Trọng	TN THCS trường PT DTNT	TT
271	ĐIỀU CHÍNH	CƯỜNG	07/01/2010	Lâm Đồng	Nam	Thái	1.0		6	6	7	9	29.0	7.1	13.1	Trường THCS An Hiệp		NV1
272	HỒ MINH	HOÀNG	24/11/2010	Lâm Đồng	Nam	Hoa	1.0		7	6	7	8	29.0	7.0	12.0	Trường THCS An Hiệp		NV1
273	TRINH HÀ	LAN	22/04/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			7	6	7	9	29.0	6.9	13.2	Trường THCS An Hiệp		NV1
274	CIL PAM NGUYỄN KHÁNH	LY	14/09/2010	Lâm Đồng	Nữ	Cil	1.0		6	6	7	9	29.0	6.8	12.9	Trường THCS N'Thol Hạ		NV1
275	SƠ NỬA HA	HỢP	30/05/2010	Lâm Đồng	Nam	Cil	1.0		7	7	7	7	29.0	6.8	12.5	Trường THCS N'Thol Hạ		NV1
276	BÙI QUANG	HOÀI	07/06/2010	Lâm Đồng	Nam	Mường	1.0		7	7	7	7	29.0	6.7	13.1	Trường THCS N'Thol Hạ		NV1
277	TRẦN PHƯƠNG	NHI	28/10/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	7	6	7	29.0	6.6	11.8	Trường THCS Bình Thạnh		NV1
278	CIL PHI CRIÊU LY	NA	08/09/2010	Lâm Đồng	Nam	Cil	1.0		7	7	7	7	29.0	6.6	11.8	Trường THCS N'Thol Hạ		NV1

279	VŨ QUANG	PHÚC	21/06/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			6	9	7	7	29.0	6.6	10.8	Trường THCS Bình Thạnh		NV1
280	ĐÌNH QUỐC	HOAN	07/09/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			9	8	6	6	29.0	6.4	12.0	Trường THCS Bình Thạnh		NV1
281	K'	LINH	23/03/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kơ ho	1.0		7	7	7	7	29.0	6.3	12.1	Trường THCS N'Thol Hạ		NV1
282	LIỀNG HÓT SI	NAI	23/10/2010	Lâm Đồng	Nam	Cil	1.0		7	9	6	6	29.0	5.7	11.2	Trường THCS An Hiệp		NV1
283	ĐÌNH THỰC	TRINH	28/09/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			6	6	7	9	28.0	7.5	13.5	Trường THCS An Hiệp		NV1
284	LÊ NGUYỄN YẾN	NHI	12/04/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			6	6	8	8	28.0	7.4	14.3	Trường THCS An Hiệp		NV1
285	NGUYỄN NHẬT ĐÌNH	PHƯỚC	03/01/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			5	8	6	9	28.0	7.4	13.5	Trường THCS An Hiệp		NV1
286	LIỀNG HÓT	K'GLIÊM	04/01/2010	Lâm Đồng	Nữ	Cil	1.0		6	7	7	7	28.0	7.2	13.8	Trường THCS An Hiệp		NV1
287	ĐÌNH LỮ GIA	LINH	05/05/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	6	6	7	28.0	7.1	13.3	Trường THCS An Hiệp		NV1
288	K'	QUYÊN	10/06/2010	Lâm Đồng	Nữ	K' ho	1.0		6	6	6	9	28.0	7.1	12.7	Trường THCS An Hiệp		NV1
289	LIỀNG HÓT K'	HÔNG	16/09/2010	Lâm Đồng	Nữ	Cil	1.0		7	7	6	7	28.0	7.1	12.2	Trường THCS An Hiệp		NV1
290	A DẮT SU	YAN	16/04/2010	Lâm Đồng	Nam	Cil	1.0		6	7	7	7	28.0	6.9	12.6	Trường THCS N'Thol Hạ		NV1
291	K' QUỲNH	CHI	29/10/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kơ Ho	1.0		6	8	6	7	28.0	6.9	12.2	Trường THCS N'Thol Hạ		NV1
292	K' YA	NATÔRIN	22/10/2010	Lâm Đồng	Nữ	K' ho	1.0		6	7	7	7	28.0	6.8	11.5	Trường THCS An Hiệp		NV1
293	NGUYỄN HOÀNG THIÊN	LONG	14/03/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			7	7	7	7	28.0	6.7	13.6	Trường THCS Bình Thạnh		NV1
294	KA SẮ K'	PHỤ	09/04/2010	Lâm Đồng	Nữ	Cil	1.0		6	7	7	7	28.0	6.7	11.8	Trường THCS N'Thol Hạ		NV1
295	KƠ SẮ HA	THẮNG	06/10/2010	Lâm Đồng	Nam	Cil	1.0		6	7	7	7	28.0	6.6	12.5	Trường THCS N'Thol Hạ		NV1
296	RƠ ÔNG CÔ	RA	24/11/2010	Lâm Đồng	Nữ	Cil	1.0		6	7	7	7	28.0	6.6	12.2	Trường THCS An Hiệp		NV1
297	KLONG HA	PHƯƠNG	08/03/2010	Lâm Đồng	Nam	Cil	1.0		6	7	7	7	28.0	6.6	11.9	Trường THCS N'Thol Hạ		NV1
298	CIL MÚP HA MINH	KHIẾT	25/07/2010	Lâm Đồng	Nam	Cil	1.0		6	7	7	7	28.0	6.5	12.2	Trường THCS N'Thol Hạ		NV1
299	NGUYỄN HOÀNG MINH	QUÂN	22/07/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			7	7	7	7	28.0	6.5	11.4	Trường THCS Bình Thạnh		NV1
300	KA SẮ ZU	CHUNG	16/03/2010	Lâm Đồng	Nam	Cil	1.0		8	6	7	6	28.0	6.4	11.2	Trường THCS N'Thol Hạ		NV1
301	KƠ SẮ LIỀNG	THÀNH	16/09/2010	Lâm Đồng	Nữ	Cil	1.0		7	6	7	7	28.0	6.4	11.2	Trường THCS An Hiệp		NV1
302	ĐỖ THỊ DIỄM	QUỲNH	17/01/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			7	7	7	7	28.0	6.4	11.1	Trường THCS Bình Thạnh		NV1
303	CIL YŨ HA EN	BLIN	08/06/2010	Lâm Đồng	Nam	Cil	1.0		8	6	6	7	28.0	6.3	10.9	Trường THCS N'Thol Hạ		NV1
304	PHẠM HOÀNG ĐỨC	HIẾU	03/07/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			7	7	7	7	28.0	6.0	11.1	Trường THCS Bình Thạnh		NV1
305	TRẦN QUANG	HUY	21/09/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			7	7	7	7	28.0	5.6	10.8	Trường THCS Bình Thạnh		NV1
306	NGUYỄN THÀNH	LẬP	19/04/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh			7	7	7	7	28.0	5.6	9.8	Trường THCS Bình Thạnh		NV1
307	SƠ NƯƠ KHÁNH	LINH	02/05/2010	Lâm Đồng	Nữ	Cil	1.0		6	6	7	7	27.0	6.9	13.1	Trường THCS N'Thol Hạ		NV1
308	PHẠM NGỌC TRÚC	ANH	31/12/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			6	6	7	8	27.0	6.9	11.8	Trường THCS Bình Thạnh		NV1

309	KA SÃ JU	HẠ	29/12/2010	Lâm Đồng	Nữ	Cil	1.0		6	6	7	7	27.0	6.8	11.8	Trường THCS N'Thol Hạ		NV1
310	KON SA HA	HOÀNG	20/04/2010	Lâm Đồng	Nam	Cil	1.0		7	6	6	7	27.0	6.6	11.7	Trường THCS N'Thol Hạ		NV1
311	LƯƠNG TIÊU	VY	26/09/2010	Thanh Hóa	Nữ	Thái	1.0		7	6	7	6	27.0	6.6	11.1	Trường THCS An Hiệp		NV1
312	HOÀNG MINH	PHÚC	17/11/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh			6	7	7	7	27.0	6.5	12.4	Trường THCS Bình Thạnh		NV1
313	K' MAI	THANH	25/08/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kơ ho	1.0	0.5	6	6	7	6	26.5	6.5	13.2	Trường PTDTNT THCS huyện Đức Trọng	TN THCS trường PT DTNT	TT
314	K' DUY	KHOA	14/05/2010	Lâm Đồng	Nam	Kơ ho	1.0		6	5	5	5	22.0	6.5	13.3	Trường PTDTNT THCS huyện Đức Trọng	TN THCS trường PT DTNT	TT
315	VÕ K' MINH	ĐỨC	29/12/2010	Lâm Đồng	Nam	Thổ	1.0		6	5	5	5	22.0	6.1	12.1	Trường PTDTNT THCS huyện Đức Trọng	TN THCS trường PT DTNT	TT

Danh sách này có 315 học sinh./.

DUYỆT KẾT QUẢ TUYỂN SINH CỦA SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Công nhận trúng tuyển 315 học sinh, trong đó:

- Số HS tuyển thẳng: 9 HS gồm: HS trường PT DTNT : 8 HS, HS khuyết tật: 0 HS

- Số HS nguyện vọng 1: 306 HS,

Điểm chuẩn NV1: Tổng điểm: 27.0 điểm; Điểm TBCN lớp 9: 6.5 Điểm; Điểm Toán + Văn: 12.4 điểm

- Số HS nguyện vọng 2: 0 HS,

- Số lớp: 7 lớp; Sĩ số: 45 HS/lớp

Lâm Đồng, ngày tháng 7 Năm 2025

GIÁM ĐỐC

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Lê Văn Trung